

Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về khoan dung tôn giáo trong kỷ nguyên phát triển mới của đất nước

TS. NGUYỄN CÔNG TRÍ

Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh;

Email: cngtri.tongiao@gmail.com

TS. VŨ MINH THÀNH

Học viện Báo chí và Tuyên truyền;

Email: thanhvuminh.ajc@gmail.com

Nhận ngày 14 tháng 8 năm 2025; chấp nhận đăng tháng 11 năm 2025.

Tóm tắt: Chủ tịch Hồ Chí Minh là người Cộng sản kiên trung của dân tộc Việt Nam và phong trào Cộng sản và công nhân quốc tế. Trong quá trình lãnh đạo cách mạng, Người là hiện thân của tấm gương mẫu mực về ứng xử với tôn giáo trên tinh thần khoan dung nhằm tập hợp sức mạnh tôn giáo trong khối đại đoàn kết dân tộc. Vận dụng sáng tạo tư tưởng của Hồ Chí Minh, Đảng Cộng sản Việt Nam không ngừng hoàn thiện chủ trương, chính sách tôn giáo trên tinh thần khoan dung. Trong kỷ nguyên phát triển mới, tinh thần khoan dung tôn giáo cần có cách tiếp cận mới để tháo gỡ các nút thắt về chính sách nhằm tiếp tục phát huy có hiệu quả các giá trị văn hóa, đạo đức và nguồn lực tôn giáo phục vụ cho sự phát triển đất nước.

Từ khoá: Hồ Chí Minh; khoan dung tôn giáo; Đảng Cộng sản Việt Nam; chủ trương, chính sách.

Abstract: President Hồ Chí Minh was a steadfast communist of Vietnam and of the international communist and workers' movements. Throughout his revolutionary leadership, he symbolized an exemplary model of dealing with religion in a spirit of tolerance, aiming to unite and harness the strength of religious communities within the great national solidarity bloc. Creatively applying Hồ Chí Minh's ideas, the Communist Party of Vietnam has continuously improved its religious policies and guidelines in the spirit of tolerance. In the new era of national development, the principle of religious tolerance requires renewed approaches to untangle policy bottlenecks and further promote effectively the cultural, ethical, and spiritual values of religions as vital resources for the country's progress.

Keywords: Hồ Chí Minh; religious tolerance; Communist Party of Vietnam; guidelines, policies.

1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về khoan dung tôn giáo

Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh là tấm gương mẫu mực về tinh thần khoan dung trong giải quyết các vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam. Đối với tôn giáo, thái độ ứng xử trên tinh thần khoan dung đã để lại nhiều bài học có giá trị. Chính thái độ ứng xử linh hoạt trên lập trường cách mạng của người Cộng sản cho phép Hồ Chí Minh vượt qua hệ tư tưởng đương thời (phong kiến, tư sản, tiểu tư sản) để nhìn nhận khách quan vị trí, vai trò của tôn giáo đối với xã hội nói chung và phong trào cách mạng nói riêng.

Trước hết, quá trình trải nghiệm cuộc sống thực tiễn ở các nước phương Tây cho phép Hồ Chí Minh so sánh, đồng thời khái quát nét đặc trưng khác biệt

trong đời sống tâm linh, tinh thần của người Việt truyền thống, Người viết: "Người dân An Nam không có linh mục, không có tôn giáo, theo cách nghĩ của châu Âu"⁽¹⁾.

Nghiên cứu về văn hóa Việt Nam truyền thống thấy rằng, Hồ Chí Minh đã rút ra nhận xét chính xác về thực tiễn đời sống tinh thần của người Việt truyền thống. Nhận xét của Hồ Chí Minh giúp cho việc giải đáp câu hỏi: Tại sao các tôn giáo ở Việt Nam có sự khác biệt về giáo lý nhưng trong quá trình phát triển không tồn tại những xung đột lớn? Về cơ bản các tôn giáo đoàn kết với nhau. Điều này xuất phát từ nhiều nguyên nhân nhưng rõ ràng, bản thân các tôn giáo du nhập vào Việt Nam chịu ảnh hưởng bởi chính tinh

thần khoan dung của người Việt. Người Việt đến với tôn giáo bằng tình cảm rất tự nhiên với nghĩa □ có thờ có thiêng, có kiêng có lành □ Hơn nữa, tâm thức người Việt thờ đa thần, các tôn giáo độc thần sau này du nhập vào đều chịu ảnh hưởng bởi tâm thức này nên phần nào cũng được bản địa hóa. Điều này hoàn toàn khác với người phương Tây khi tiếp cận về tôn giáo với nghĩa, đó là □ niềm tin tuyệt đối vào đấng sáng thế □

Là một người Cộng sản nhưng Hồ Chí Minh không đặt vấn đề tôn giáo dưới khía cạnh duy vật và duy tâm, vô thần và hữu thần giống như một số nhà cách mạng đương thời; đồng thời tiếp cận vấn đề tôn giáo dưới khía cạnh văn hóa và xem tôn giáo là bộ phận của văn hóa. Hồ Chí Minh đã để lại một định nghĩa về văn hóa có giá trị thời đại: □ Vì lẽ sinh tồn cũng như mục đích của cuộc sống, loài người mới sáng tạo và phát minh ra ngôn ngữ, chữ viết, đạo đức, pháp luật, khoa học, tôn giáo, văn học, nghệ thuật, những công cụ cho sinh hoạt hằng ngày về mặc, ăn, ở và các phương thức sử dụng. Toàn bộ những sáng tạo và phát minh đó tức là văn hoá. Văn hoá là sự tổng hợp của mọi phương thức sinh hoạt cùng với biểu hiện của nó mà loài người đã sản sinh ra nhằm thích ứng những nhu cầu đời sống và đòi hỏi của sự sinh tồn □⁽²⁾.

Trong định nghĩa này, Hồ Chí Minh khẳng định: tôn giáo là một bộ phận không thể tách rời với văn hóa bởi đó là sự sáng tạo của chính con người. Cách tiếp cận này có giá trị vượt xa thời đại, nhất là trong bối cảnh mối quan hệ giữa những người cộng sản với tôn giáo khá nặng nề liên quan đến sự khác biệt về thế giới quan. Với cách tiếp cận đặc sắc này, Hồ Chí Minh đã vượt qua hạn chế của lịch sử và cho phép Người tìm thấy chân giá trị nhân văn, nhân bản của các tôn giáo. Người viết: □ Chúa Giêsu dạy: đạo đức là bác ái. Phật Thích Ca dạy: đạo đức là từ bi. Khổng Tử dạy: đạo đức là nhân nghĩa □⁽³⁾. Xuất phát từ giá trị đạo đức tốt đẹp của tôn giáo, Hồ Chí Minh cho rằng, các tôn giáo dù có khác nhau, nhưng đều hướng đến mục đích tốt đẹp là giải phóng con người thoát khỏi mọi áp bức, bất công và mang lại cho họ một cuộc sống hạnh phúc cho dù hạnh phúc đó chỉ tồn tại trên thiên đường. Người khẳng định: □ Mục tiêu cao cả của Phật Thích Ca và Chúa Giê su đều giống nhau: Thích ca và Giê su đều muốn mọi người có cơm ăn, áo mặc, bình đẳng, tự do và thế giới đại đồng □⁽⁴⁾.

Với tư cách là một nhà cách mạng, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn có cái nhìn biện chứng trong ứng xử với tôn giáo. Người nhiều lần khẳng định rằng: giữa những người Cộng sản và người theo tôn giáo có nhiều điểm khác nhau, nhất là về ý thức hệ nhưng điều đó không có nghĩa là bài trừ nhau, Người viết: □ Chủ nghĩa duy linh và chủ nghĩa duy vật là khác nhau, rõ ràng là thế. Nhưng không vì thế mà chà đạp lên quyền tự do của nhau □⁽⁵⁾. Không những thế, là một lãnh tụ của cách mạng Việt Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh tìm thấy sự tương đồng về mục đích, lý tưởng của tôn giáo với mục tiêu của cách mạng, Người viết: □ Mục đích Chính phủ ta theo đuổi là chiến đấu vì nền độc lập và đem lại hạnh phúc cho nhân dân. Song để đạt tới hạnh phúc đó cho mọi người cần phải xây dựng chủ nghĩa xã hội. Nếu đức Chúa Giêsu sinh ra vào thời đại chúng ta và phải đặt mình trước những nỗi khổ đau của người đương thời, chắc Ngài sẽ là một người xã hội chủ nghĩa đi tìm con đường cứu khổ loài người □⁽⁶⁾.

Rõ ràng, với giá trị nhân bản của các tôn giáo thì mục đích cao nhất mà những người sáng lập tôn giáo đều hướng đến là hạnh phúc của con người. Sự tương đồng này là chất xúc tác quan trọng để tín đồ, chức sắc các tôn giáo gắn bó, đồng hành với Cộng sản - với tư cách là một chế độ xã hội vì mục tiêu cao nhất là giải phóng con người. Bàn về vấn đề này, Chủ tịch Hồ Chí Minh nói một cách giản dị: □ Đường lối và mục đích của Chính phủ nhằm ba mục tiêu sau đây:

- 1) Giải phóng nhân dân khỏi đói, khỏi rét (khô sở) và khỏi dốt
- 2) Đem lại cho nhân dân sự tự do, tự do sống, tự do tín ngưỡng
- 3) Bảo vệ nền độc lập của Tổ quốc

Nếu Cộng sản mà thực hiện những việc trên đây, tôi tin chắc rằng mọi người sẽ chấp nhận thứ Cộng sản đó □⁽⁷⁾. Chính các nhiệm vụ mà chính quyền cách mạng đang thực hiện là tương đồng với những lý tưởng của các tôn giáo, vì thế nó sẽ nhận được sự ủng hộ của tín đồ, chức sắc tôn giáo. Trong quá trình lãnh đạo cách mạng, nhất là trước tín đồ, chức sắc tôn giáo, nhiều lần Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: □ Chúng ta kháng chiến cứu nước, thi đua tăng gia sản xuất và tiết kiệm, cải cách ruộng đất làm cho người cày có ruộng, tín ngưỡng tự do. Như thế là những việc Chính phủ và nhân dân ta làm, đều hợp với tinh thần Phúc âm □⁽⁸⁾.

Những yếu tố trên chính là "mẫu số chung" để chính quyền cách mạng đoàn kết, tập hợp sự ủng hộ, đồng thuận của tôn giáo nhằm thực hiện mục tiêu chung vì lợi ích của quốc gia, dân tộc và nhân dân. Đây cũng chính là cơ sở quan trọng để Chủ tịch Hồ Chí Minh đưa ra chủ trương rất quan trọng trong công tác xây dựng và phát triển Đảng - chủ trương kết nạp đảng viên là người có đạo. Theo đó, trong bối cảnh Giáo hội Công giáo có cái nhìn và ứng xử thiếu thiện cảm với Cộng sản⁽⁹⁾ làm cho một bộ phận tín đồ Công giáo lo lắng về chính sách của Chính phủ cách mạng đối với tôn giáo, Hồ Chí Minh nhiều lần nhắc lại quan điểm của mình khi có những ý kiến phân vân rằng: Người Công giáo có thể đứng trong hàng ngũ của Đảng hay không? Người trả lời: "Có. Người tôn giáo nào vào cũng được, miễn là trung thành, hăng hái làm nhiệm vụ, giữ đúng kỷ luật của Đảng. Nước ta kinh tế lạc hậu, kỹ thuật kém, tôn giáo là duy tâm, cộng sản là duy vật, nhưng trong điều kiện hiện tại, người theo đạo vẫn vào Đảng được"⁽¹⁰⁾. Rõ ràng, nếu không có sự nhạy bén chính trị và tinh thần khoan dung thì khó có thể có được những chủ trương đúng đắn trong một bối cảnh xã hội phức tạp và nhạy cảm về mặt chính trị như vậy.

Không dừng lại ở việc nhìn nhận giá trị văn hóa, đạo đức, mục tiêu của tôn giáo, tinh thần khoan dung của Hồ Chí Minh còn thể hiện trong việc tha thứ cho những người lầm đường lạc lối, trong đó có một bộ phận chức sắc, tín đồ tôn giáo bị các thế lực thù địch lợi dụng, đi ngược lại lợi ích của dân tộc. Đối với những người này, Hồ Chí Minh kêu gọi: "Tôi mong rằng các người hãy mau tỉnh ngộ. Và tôi cam đoan rằng Tổ quốc, đồng bào và Chính phủ bao giờ cũng khoan hồng. Một khi các người đã trở về với Tổ quốc thì các người sẽ được hoan nghênh rộng rãi như những người con đi lạc mới về"⁽¹¹⁾, đồng thời yêu cầu toàn thể nhân dân yêu nước cũng như Chính phủ cách mạng: "Không được báo thù báo oán. Đối với những kẻ đi lầm đường lạc lối, đồng bào ta cần phải dùng chính sách khoan hồng"⁽¹²⁾. Ở khía cạnh này, tinh thần khoan dung của Hồ Chí Minh là kết quả của sự thấu hiểu từng con người. Hơn ai hết, Chủ tịch Hồ Chí Minh hiểu rằng, có thể do khó khăn, sự thiếu hiểu biết nên những người này bị lợi dụng, nhưng trong sâu thẳm họ vẫn là người yêu nước vì họ vốn là những người được sinh ra và nuôi dưỡng trong sự thương

yêu, đùm bọc của nhân dân và dân tộc. Trong "Lời kêu gọi đồng bào Cao Đài, Hòa Hảo", Hồ Chí Minh nhấn mạnh và tin tưởng: "Tôi đã thường nói: Trừ một bọn rất ít đại Việt gian, đồng bào ta ai cũng có lòng yêu nước. Tuy có một số đồng bào lầm lạc, qua một thời gian, những người ấy dần dần giác ngộ và quay về với Tổ quốc"⁽¹³⁾.

Tinh thần khoan dung của Hồ Chí Minh đối với tôn giáo không phải thể hiện bằng lời nói mà quan trọng hơn là bằng các chính sách cụ thể trong quá trình lãnh đạo cách mạng như:

+ *Thứ nhất, chăm lo đời sống vật chất, tinh thần của tín đồ, chức sắc tôn giáo.*

Tín đồ, chức sắc tôn giáo cũng là người dân Việt Nam, là lực lượng quan trọng của cách mạng. Muốn tập hợp, thu hút sự đồng thuận, ủng hộ của lực lượng này, phải không ngừng chăm lo đời sống tinh thần, vật chất của họ. Trách nhiệm này, theo Hồ Chí Minh thuộc về Đảng Cộng sản mà trước hết là của các cấp ủy, Người nói rõ: "Các cấp ủy phải thật sự quan tâm đến phần đời và phần đạo của đồng bào Công giáo... phải ra sức giúp đỡ củng cố và phát triển tốt các hợp tác xã của đồng bào Công giáo nhằm làm cho hợp tác xã ngày càng vững chắc. Xã viên thu nhập ngày càng tăng, đời sống ngày càng ấm no"⁽¹⁴⁾. Điều này chính là sự vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào thực tiễn Việt Nam của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Bởi với tư cách là một bộ phận của hình thái ý thức xã hội, việc giải quyết vấn đề tôn giáo chỉ có thể xuất phát từ thực tiễn, thông qua công cuộc cải tạo xã hội cũ, xây dựng xã hội mới tốt đẹp mà trước hết là làm sao để đồng bào tôn giáo có một cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, một "thiên đường" trên thực tế.

+ *Thứ hai, tôn trọng và bảo vệ quyền tự do tôn giáo của nhân dân.*

Đối với tín đồ, chức sắc tôn giáo, nhu cầu tự do tôn giáo có ý nghĩa quan trọng trong đời sống tinh thần. Hiểu rõ vấn đề này, trong mọi giai đoạn cách mạng, Hồ Chí Minh luôn quan tâm tới nhu cầu của tín đồ, chức sắc, đó cũng là một trong những cơ sở quan trọng để thu hút sự ủng hộ, đoàn kết, đồng thuận của lực lượng này đối với cách mạng. Ngay sau khi cách mạng tháng Tám thành công, trong phiên họp đầu tiên của Chính phủ cách mạng lâm thời ngày 3/9/1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh đề nghị: "Thực dân và phong kiến thi hành chính sách chia rẽ đồng bào

giáo và đồng bào lương, để dễ thống trị. Tôi đề nghị Chính phủ ta tuyên bố: TÍN NGƯỠNG TỰ DO và lương giáo đoàn kết⁽¹⁵⁾.

Với Hồ Chí Minh quyền tự do tôn giáo chính là bộ phận của quyền con người, nó không chỉ được thể hiện bằng lời nói của những nhà cầm quyền mà quan trọng là nó phải được hiện thực hóa và bảo vệ bằng pháp luật. Hiến pháp 1946, 1959 và một số văn bản pháp luật quan trọng (SL234/1955) do Chủ tịch Hồ Chí Minh ký đã khẳng định rõ quyền tự do tôn giáo của công dân. Trong *Thư gửi Giám mục Lê Hữu Từ*, Hồ Chí Minh nhắc lại: "Trong Hiến pháp ta đã định rõ: Tín ngưỡng tự do. Nếu ai làm sai Hiến pháp, khiêu khích Công giáo thì sẽ bị phạt"⁽¹⁶⁾. Tuy nhiên, để thực hiện và bảo đảm quyền tự do tôn giáo cho tín đồ, chức sắc thì quan trọng nhất là phải dành cho được độc lập dân tộc. Do vậy, theo Hồ Chí Minh, tín đồ, chức sắc tôn giáo cần phải đoàn kết chặt chẽ với cách mạng để giành độc lập dân tộc, đó cũng là con đường để thực hiện quyền tự do tôn giáo.

+ *Thứ ba, luôn trân trọng, tin tưởng đối với chức sắc tôn giáo.*

Với Chủ tịch Hồ Chí Minh, chính sách với tín đồ, chức sắc tôn giáo không phải là thủ đoạn chính trị nhất thời mà nằm trong thái độ ứng xử với tư cách là công dân của một nước. Vì vậy, không có sự phân biệt, đối xử giữa người có tôn giáo và không theo tôn giáo mà tất cả đều bình đẳng. Trong bài "Ý nghĩa của Tổng tuyển cử", Người viết: "Trong cuộc Tổng tuyển cử, hễ là những người muốn lo việc nước thì đều có quyền ra ứng cử; hễ là công dân thì đều có quyền đi bầu cử. Không chia gái trai, giàu nghèo, tôn giáo, nòi giống, giai cấp, đảng phái, hễ là công dân Việt Nam thì đều có hai quyền đó"⁽¹⁷⁾. Chính bằng thái độ trân trọng, tin tưởng với tinh thần cầu thị thật sự, Hồ Chí Minh đã quy tụ được nhiều chức sắc có uy tín lớn trong các tôn giáo tham gia bộ máy của Chính phủ⁽¹⁸⁾ và có nhiều đóng góp cho sự nghiệp cách mạng.

Như vậy, xuyên suốt tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh về tôn giáo và giải quyết vấn đề tôn giáo qua các giai đoạn cách mạng Việt Nam thấm đậm tinh thần khoan dung. Tinh thần này được hun đúc từ tinh thần khoan dung của dân tộc Việt Nam kết hợp với giá trị khoa học của chủ nghĩa Mác - Lênin, sự trải nghiệm thực tiễn phong phú trong và ngoài nước trên hành trình tìm đường cứu nước. Tinh thần này còn là

sự kết tinh những giá trị đạo đức tốt đẹp của một lãnh tụ suốt đời hy sinh vì nước, vì dân đó là tình thương yêu con người; sự bao dung, độ lượng; sự chân thành và thấu hiểu... Tinh thần khoan dung của Hồ Chí Minh nói chung, đối với tôn giáo và giải quyết vấn đề tôn giáo nói riêng là cơ sở nền tảng để Đảng Cộng sản Việt Nam vận dụng trong quá trình lãnh đạo cách mạng phù hợp với yêu cầu của sự phát triển đất nước.

2. Sự vận dụng của Đảng Cộng sản Việt Nam về khoan dung tôn giáo và yêu cầu đặt ra trong kỷ nguyên phát triển mới của đất nước

Trước đổi mới, xuất phát từ điều kiện thực tiễn khách quan và chủ quan, vấn đề tôn giáo được nhận thức chủ yếu dưới khía cạnh chính trị, hình thái ý thức xã hội nên không phản ánh được hết vị trí, vai trò của tôn giáo trong đời sống xã hội. Nói cách khác, thời kỳ trước đổi mới, tinh thần khoan dung tôn giáo của Hồ Chí Minh chưa được nhìn nhận một cách đầy đủ trong giải quyết vấn đề tôn giáo của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Sự ra đời của Nghị quyết số 24 của Bộ Chính trị năm 1990 về "Tăng cường công tác tôn giáo trong tình hình mới" được xem là bước ngoặt trong nhận thức và ứng xử của Đảng đối với tôn giáo nhằm khắc phục những hạn chế ở giai đoạn trước. Nghị quyết 24 là dấu mốc trong việc vận dụng tinh thần khoan dung tôn giáo của Hồ Chí Minh qua hai luận điểm mang tính đột phá của Đảng Cộng sản Việt Nam: *Một là*, xác định tín ngưỡng, tôn giáo là nhu cầu tinh thần của một bộ phận nhân dân; *Hai là*, khẳng định đạo đức tôn giáo có nhiều điều phù hợp với công cuộc xây dựng xã hội mới. Từ các luận điểm này có thể thấy, vấn đề tôn giáo được nhìn nhận ở nhiều khía cạnh: đó không chỉ là vấn đề chính trị, vấn đề ý thức mà còn là nhu cầu chính đáng của con người, là thực tiễn khách quan trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, là đạo đức, văn hóa. Việc khẳng định quan điểm "đạo đức tôn giáo có nhiều điều phù hợp với công cuộc xây dựng xã hội mới" là bước phát triển quan trọng trong nhận thức của Đảng khi nhìn nhận một cách khách quan vai trò của tôn giáo trong giai đoạn mới. Bởi suy cho cùng, giá trị cốt lõi của tôn giáo đó chính là sự hướng thiện được thể hiện một cách cụ thể thông qua hệ thống giáo lý, giáo luật của từng loại hình tôn giáo. Các giá trị đó chính là nền tảng căn bản thúc đẩy tín đồ, chức sắc tôn giáo hành động vì cuộc sống tốt đẹp

của con người và cộng đồng trong mọi hoàn cảnh.

Nếu như Nghị quyết 24 của Bộ Chính trị là bước ngoặt trong nhận thức và ứng xử của Đảng trên tinh thần khoan dung tôn giáo thì Nghị quyết 25-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương khóa IX (2003) về công tác tôn giáo là bước phát triển thể hiện tính khoan dung của Đảng đối với tôn giáo và công tác tôn giáo. Qua đó, vấn đề vai trò của tôn giáo cũng được Đảng Cộng sản Việt Nam tiếp cận và nhìn nhận toàn diện hơn. Trong nghị quyết 25, giá trị của tôn giáo về tinh thần vẫn được khẳng định, đồng thời, Đảng Cộng sản Việt Nam phát triển nhận thức khi cho rằng: □Đồng bào các tôn giáo là bộ phận của khối đại đoàn kết toàn dân tộc□⁽¹⁾. Trong Nghị quyết này, vấn đề vai trò của tôn giáo không chỉ được nhìn nhận dưới khía cạnh tinh thần mà đó còn là nguồn lực con người. Theo đó, Đảng Cộng sản Việt Nam khẳng định rằng, đồng bào tín đồ, chức sắc tôn giáo là một thể thống nhất nằm trong cộng đồng dân tộc Việt Nam, là sức mạnh để xây dựng đất nước. Chính vì thế, trong Nghị quyết này, Đảng ta khẳng định: Nội dung cốt lõi của công tác tôn giáo là công tác vận động quần chúng và đưa ra định hướng cụ thể: □Công tác vận động quần chúng các tôn giáo phải động viên đồng bào nêu cao tinh thần yêu nước, ý thức bảo vệ độc lập và thống nhất của Tổ quốc; thông qua việc thực hiện tốt các chính sách kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng, bảo đảm lợi ích vật chất và tinh thần của nhân dân nói chung, trong đó có đồng bào tôn giáo□⁽²⁾.

Sau Nghị quyết 25 của Ban Chấp hành Trung ương khóa IX, nhất là việc ban hành Pháp lệnh về tín ngưỡng, tôn giáo và gần đây là Luật tín ngưỡng, tôn giáo, vai trò của tôn giáo ngày càng được khẳng định trên nhiều lĩnh vực của đời sống xã hội. Các tôn giáo ở Việt Nam hoạt động theo đường hướng □đồng hành cùng dân tộc□, góp phần quan trọng vào quá trình phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, củng cố khối đại đoàn kết dân tộc. Thực tế đó đòi hỏi phải có những nhận thức mới nhằm phát huy vai trò của tôn giáo phù hợp với yêu cầu khách quan. Vấn đề phát huy vai trò tôn giáo được Đảng Cộng sản Việt Nam tiếp tục đề cập và nhìn nhận thông qua Chỉ thị số 18-CT/TW, ngày 10/01/2018 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 25-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa IX) về công tác tôn giáo trong tình hình mới. Trong Chỉ thị này, Bộ Chính trị

yêu cầu: các cơ quan đảng, chính quyền và các đoàn thể chính trị - xã hội quán triệt và tập trung nghiên cứu lý luận về tôn giáo, phát huy giá trị văn hóa, đạo đức tốt đẹp và nguồn lực của tôn giáo cho quá trình phát triển đất nước.

Phát biểu quan điểm này, tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Đảng Cộng sản Việt Nam khẳng định: □Phát huy những giá trị văn hóa, đạo đức tốt đẹp và các nguồn lực của các tôn giáo cho sự phát triển đất nước□⁽³⁾, đồng thời định hướng chính sách quan trọng: □Tập trung hoàn thiện và triển khai thực hiện tốt các chính sách dân tộc, tôn giáo□⁽⁴⁾. Quan điểm và định hướng chính sách này thực sự là bước đột phá và ghi nhận vai trò của tôn giáo, đáp ứng nhu cầu, nguyện vọng của các tổ chức, tín đồ, chức sắc tôn giáo trong tình hình mới. Điều này một lần nữa khẳng định rằng, tinh thần khoan dung tôn giáo của Hồ Chí Minh được Đảng Cộng sản Việt Nam nhận thức và vận dụng ngày càng đầy đủ và toàn diện vì mục tiêu của sự phát triển đất nước.

Như vậy, trải qua gần 40 năm sự nghiệp đổi mới toàn diện đất nước, quan điểm của Đảng về tôn giáo và giải quyết vấn đề tôn giáo ngày càng hoàn thiện trên tinh thần khoan dung tôn giáo.

Trong kỷ nguyên phát triển mới của đất nước, tôn giáo ở Việt Nam với trên 26,5 triệu tín đồ tôn giáo (chiếm khoảng 27% dân số cả nước), hơn 54 nghìn chức sắc, 135 nghìn chức việc và 29.658 cơ sở thờ tự⁽⁵⁾ là nguồn lực vật chất quan trọng thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Đó không chỉ là nguồn lao động dồi dào mà cơ sở vật chất của tôn giáo còn góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế, nhất là ngành du lịch văn hóa, tâm linh. Ở khía cạnh khác, các giá trị đạo đức, văn hóa của tôn giáo như: Lối sống tiết kiệm, trung thực trong lao động sản xuất; hài hòa với môi trường tự nhiên; lành mạnh trong sinh hoạt (không uống rượu, cờ bạc, xa rời các tệ nạn xã hội); tinh thần hướng thiện, tránh ác, kính trọng người già, yêu thương trẻ nhỏ; sự yêu thương, chia sẻ với những người yếu thế trong xã hội□ v.v, là những yếu tố nền tảng để hướng đến một xã hội phát triển hài hòa, bền vững.

Với ý nghĩa đó, tinh thần khoan dung tôn giáo trong kỷ nguyên phát triển mới của đất nước cần phải được chú trọng hơn nữa trên cơ sở từng bước tháo gỡ các □rào cản□ về nhận thức, chính sách đối với

tôn giáo. Theo đó, chủ trương, chính sách đối với tôn giáo trong bối cảnh phát triển mới cần chú ý những vấn đề sau:

Thứ nhất, đổi mới mạnh mẽ hơn nữa nhận thức về tôn giáo và công tác tôn giáo theo quan điểm, chủ trương của Đảng. Vấn đề này được Đảng hết sức quan tâm nhưng sự chuyển biến chưa thực mang tính đột phá. Nhận thức về tôn giáo và công tác tôn giáo ở một bộ phận cán bộ trong hệ thống chính trị các cấp, nhất là cơ sở còn hạn chế dẫn đến việc giải quyết các vấn đề tôn giáo nảy sinh trong thực tiễn chưa phù hợp trên tinh thần khoan dung tôn giáo. Trên thực tế, còn tồn tại nhận thức khác nhau giữa các cấp, các ngành, các địa phương trong xử lý một số vấn đề cụ thể; có nơi còn chủ quan, buông lỏng quản lý nhưng có nơi lại quá chặt chẽ, khắt khe, thậm chí cản trở, cấm đoán gây bức xúc đối với chức sắc, tín đồ, tạo cơ cho các thế lực xấu, thù địch lợi dụng xuyên tạc chủ trương, chính sách tôn giáo của Đảng, Nhà nước ta.

Thứ hai, tiếp tục nghiên cứu, rà soát những bất cập trong chính sách tôn giáo, nhất là Luật tín ngưỡng, tôn giáo trên tinh thần phát huy các giá trị văn hóa, đạo đức; sức mạnh, tiềm lực của tôn giáo đóng góp vào sự phát triển chung theo quan điểm của Đảng. Theo đó, chính sách và pháp luật về tôn giáo cần được mở rộng một cách phù hợp nhằm phát huy nguồn lực tôn giáo, nhất là trên lĩnh vực giáo dục, y tế, Cụ thể hóa chính sách nhằm phát huy các giá trị văn hóa, đạo đức của tôn giáo một cách hiệu quả vào thực tiễn.

Thứ ba, tiếp tục thực hiện chính sách bình đẳng tôn giáo một cách thiết thực hơn trên cơ sở tạo điều kiện thuận lợi để các tôn giáo nhóm nhỏ hoạt động trong khuôn khổ pháp luật. Chú trọng hoạt động giúp đỡ, hướng dẫn, động viên các loại hình tổ chức tôn giáo nhóm nhỏ hoàn thiện các điều kiện theo quy định của pháp luật để sinh hoạt ổn định, không để tình trạng lợi dụng những bất cập trong ứng xử với các loại hình này của các cấp chính quyền, địa phương để chống phá chính sách của Đảng và Nhà nước về quyền tự do tôn giáo.

Thứ tư, tiếp tục chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho đồng bào tôn giáo, nhất là ở vùng sâu, vùng xa, vùng giáp biên, vùng đồng bào dân tộc thiểu số thông qua các chương trình phát triển kinh tế - xã hội. Đây là khu vực nhạy cảm mà các lực lượng thù địch thường lợi dụng sự hạn chế về trình độ dân trí và khó

khăn kinh tế của người dân để tập hợp, lôi kéo, kích động tín đồ phục vụ cho mục đích chính trị. Thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội ở những khu vực này góp phần củng cố khối đại đoàn kết dân tộc trong bối cảnh mới./.

(1), (2), (3), (8), (10), (11), (12), (13), (14), (15), (16), (17) Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb. CTQG, H., T.1, 3, 7, 8, 8, 5, 4, 5, 14, 4, 5, 4, tr. 463, 458, 95, 374, 200, 249, 471, 516, 102-103, 8, 53, 153.

(4) Hồ Chí Minh, *Về vấn đề tôn giáo tín ngưỡng*, Nxb. Khoa học xã hội, 1998, tr. 239.

(5) Trần Tam Tinh (1998), *Thập giá và lưỡi gươm*, Nxb. Trẻ thành phố Hồ Chí Minh, tr. 7.5

(6) Hồ Chí Minh (1996), *Về vấn đề tôn giáo tín ngưỡng*, Nxb. Khoa học xã hội, tr. 157.

(7) Trần Tam Tinh (1998), *Thập giá và lưỡi gươm*, Nxb. Trẻ Thành phố Hồ Chí Minh, tr. 74.

(9) Sự xuất hiện của chủ nghĩa Mác - Lênin đặc biệt là việc ra đời các Đảng Cộng sản cầm quyền của giai cấp công nhân là cơ sở để Giáo hội Công giáo hoàn vũ bài bác, tuyên truyền xuyên tạc, chống đối hết sức gắt gao và quyết liệt. Điều này thể hiện trong *Thông điệp Tân sự* (Rerum Novarum) do Giáo hoàng La Mã Lêô XIII ban hành ngày 15/5/1891; *Tông thư Thiên Chúa cứu chuộc* (Divini Redemptoris) do Giáo hoàng Piô XI ban hành ngày 19/3/1937 - Tông thư được coi là nền tảng của học thuyết bác bỏ chủ nghĩa Cộng sản.

(18) Giám mục Lê Hữu Từ (Giáo phận Phát Diệm) và ông Ngô Từ Hạ (một trí thức Công giáo) được mời làm cố vấn tối cao của Chính phủ; ông Huỳnh Phú Sổ (Giáo chủ Phật giáo Hòa Hảo) được mời giữ chức Ủy viên đặc biệt Ủy ban Hành chính Kháng chiến Nam Bộ; Chương pháp Cao Triều Phát (Hội thánh Cao Đài Minh Chơn Đạo) được mời giữ chức Chủ tịch Ủy ban Hành chính tỉnh Bạc Liêu, Cố vấn Ủy ban Hành chính kháng chiến Nam Bộ, Đại biểu Quốc hội khóa I; ông Nguyễn Ngọc Nhật (đạo Cao Đài) giữ chức Ủy viên Ủy ban Hành chính Kháng chiến Hành chính Nam Bộ; ông Nguyễn Mạnh Hà (đạo Công giáo) làm Bộ trưởng Bộ Kinh tế Quốc gia; ông Vũ Đình Tụng (đạo Công giáo) làm Bộ trưởng Bộ Y tế,...

(19) Ban Chấp hành Trung ương, Nghị quyết số 25-NQ/TƯ ngày 12 tháng 3 năm 2003 của Ban Chấp hành Trung ương khóa IX về công tác tôn giáo.

(20) Ban Chấp hành Trung ương, Nghị quyết số 25-NQ/TƯ ngày 12 tháng 3 năm 2003 của Ban Chấp hành Trung ương khóa IX về công tác tôn giáo.

(21) Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, T. 1, Nxb. CTQG Sự thật, H., tr.171.

(22) Ban Chấp hành Trung ương (2021), *Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. CTQG, H.,

(23) Ban Tôn giáo Chính phủ (2022), *Tôn giáo và chính sách tôn giáo ở Việt Nam*, Nxb. Tôn giáo, H., tr.12.